

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN
KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG
THÀNH**

Số: 31/2017/TTF-CBTT
V.v trả lời Công văn số
402/SGDHCM-NY

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày 07 tháng 04 năm 2017

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

- Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**
- Mã chứng khoán: TTF
- Địa chỉ trụ sở chính: Đường ĐT 747, Khu Phố 7, P. Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh BD
- Điện thoại: (84-0650) 3642004/005
- Fax: (84-0650) 36420006
- Người thực hiện công bố thông tin: **Bà Vũ Tuyết Hằng - Tổng Giám đốc**
- Địa chỉ: 323 Lầu 3, Lô A, C/c43, đường Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (84-0650) 3642004/005
- Fax: (84-0650) 36420006

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

- Nội dung thông tin công bố: *Trả lời Công văn số 402/SGDHCM-NY của Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM*

Ngày 03/04/2017, Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") có nhận được Công văn số 402/SGDHCM-NY của Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM về việc giải trình liên quan đến BCTC KT năm 2016. Theo đó, chúng tôi xin trả lời lần lượt các câu hỏi của Quý Cơ quan như sau:

1. Căn cứ theo khoản 4, điều 11, chương III, Thông tư 155/2015/TT-BTC, ban hành ngày 06/10/2015 và có hiệu lực từ ngày 1/1/2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty xin được giải trình các trường hợp sau đây:

1) *Giải trình nguyên nhân số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên:*

Báo cáo tài chính riêng

Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu đã kiểm toán	Số liệu trước kiểm toán	Chênh lệch tăng/(giảm)	% tăng/(giảm)
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	851.844.174.641	1.102.649.594.604	(250.805.419.963)	-23%
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.804.698.545.467	2.025.008.405.723	(220.309.860.256)	-11%
21	Doanh thu hoạt động tài chính	51.855.284.023	56.422.763.138	(4.567.479.115)	-8%
22	Chi phí tài chính	397.653.157.384	319.534.156.637	78.119.000.747	24%
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(27.754.391.987)	323.365.377.270	(351.119.769.257)	-109%
31	Thu nhập khác	29.599.975.524	26.694.601.357	2.905.374.167	11%
32	Chi phí khác	15.246.740.802	33.775.525.266	(18.528.784.464)	-55%

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 23% chủ yếu là do điều chỉnh giảm doanh thu đối với các nghiệp vụ bán hàng chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 "Doanh thu và thu nhập khác".
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giảm 11% chủ yếu là do (i) điều chỉnh giảm giá vốn tương ứng với doanh thu ghi giảm nêu trên, (ii) phân loại lại giá vốn của nguyên liệu được thanh lý, và (iii) trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho.



- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 8% chủ yếu là do điều chỉnh bù trừ giữa lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận trong chi phí tài chính.
- Chi phí tài chính tăng 24% chủ yếu là do điều chỉnh khoản lỗ từ giao dịch sáp nhập 2 công ty con vào công ty mẹ.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 109% chủ yếu là do điều chỉnh giảm các khoản dự phòng phải thu khó đòi, vì sau ngày công bố BCTC 2016 chưa kiểm toán, Công ty đã thu thập được các bằng chứng bổ sung chứng minh khả năng thu hồi của các khoản phải thu đã lập dự phòng trước đây.
- Thu nhập khác tăng 11% chủ yếu là do (i) điều chỉnh lại khoản gốc và lãi vay đã được ngân hàng miễn/giảm và có thông báo gửi đến Công ty sau ngày công bố BCTC 2016 chưa kiểm toán và (ii) phân loại lại doanh thu thanh lý nguyên vật liệu.
- Chi phí khác giảm 55% chủ yếu là do phân loại lại giá vốn của nguyên liệu được thanh lý sang khoản mục Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu đã kiểm toán	Số liệu trước kiểm toán	Chênh lệch tăng/(giảm)	% tăng/(giảm)
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	643.945.132.354	1.249.514.429.533	(605.569.297.179)	-48%
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.608.970.477.770	2.182.967.745.815	(573.997.268.045)	-26%
24	Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(3.889.142.632)	776.099.584	(4.665.242.216)	-601%
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	52.967.836.207	405.900.124.343	(352.932.288.136)	-87%
31	Thu nhập khác	42.197.904.045	31.684.386.125	10.513.517.920	33%

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 48% chủ yếu là do điều chỉnh giảm doanh thu đối với các nghiệp vụ bán hàng chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu theo các chuẩn mực kế toán.
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giảm 26% chủ yếu là do (i) điều chỉnh giảm giá vốn tương ứng với doanh thu ghi giảm nêu trên, (ii) phân loại lại giá vốn của nguyên liệu được thanh lý, và (iii) trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết tăng 601% chủ yếu là do báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sau kiểm toán của các công ty liên doanh, liên kết đã được điều chỉnh. Theo đó, phần lỗ tương ứng của Công ty trong các công ty liên doanh, liên kết cũng phải được điều chỉnh.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 87% chủ yếu là do điều chỉnh giảm các khoản dự phòng phải thu khó đòi, vì sau ngày công bố BCTC 2016 chưa kiểm toán, Công ty đã thu thập được các bằng chứng bổ sung chứng minh khả năng thu hồi của các khoản phải thu đã lập dự phòng trước đây.
- Thu nhập khác tăng 33% chủ yếu là do điều chỉnh lại khoản gốc và lãi vay đã được ngân hàng miễn/giảm và có thông báo gửi đến Công ty sau ngày công bố BCTC 2016 chưa kiểm toán.

II) Giải trình giải trình nguyên nhân xảy ra kết quả kinh doanh lỗ trên BCTC năm 2016, nguyên nhân số liệu, lợi nhuận sau thuế tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm báo cáo có sự chênh lệch so với năm trước từ 10% trở lên:

II.1 Báo cáo tài chính riêng

Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu đã kiểm toán năm 2016	Số liệu đã kiểm toán năm 2015 (đã điều chỉnh lại)	Chênh lệch tăng/(giảm)	% tăng/(giảm)
60	Lỗ sau thuế TNDN	(1.275.586.231.739)	(167.590.928.040)	(1.107.995.303.699)	661%

Giải trình kết quả kinh doanh lỗ 1.275 tỷ VND trên BCTC riêng, các nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp cao chủ yếu là do (i) xử lý khoản chênh lệch thiếu sau khi kiểm kê hàng tồn kho với số tiền là 931 tỷ VND, và (ii) trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 23 tỷ VND;

105306
 CÔNG T
 SỐ PH
 TẬP Đ
 Y NGH
 TRƯỞNG T
 UYÊN

- Chi phí tài chính cao do (i) trích lập dự phòng các khoản đầu tư vào các công ty con với số tiền là 108 tỷ VND; (ii) chi phí lãi vay với số tiền là 209 tỷ VND và (iii) khoản lỗ do nhận sáp nhập hai công ty con với số tiền là 76 tỷ VND;
- Lỗ gộp từ hoạt động kinh doanh là 22 tỷ VND;
- Thu nhập tài chính trong năm là 51,8 tỷ VND chủ yếu bao gồm (i) lãi từ cho vay và (ii) lãi chênh lệch tỷ giá; và
- Thu nhập từ nợ gốc và lãi vay được xóa là 25,6 tỷ VND

Giải trình nguyên nhân chính về trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước, các nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp tăng chủ yếu là do xử lý khoản chênh lệch thiếu sau khi kiểm kê hàng tồn kho với số tiền là 931 tỷ VND;
- Lãi gộp từ hoạt động kinh doanh giảm 222 tỷ VND;
- Chi phí tài chính tăng 150 tỷ VND chủ yếu là do chi phí lãi vay, trích lập dự phòng các khoản đầu tư và khoản lỗ từ giao dịch sáp nhập 2 công ty con vào công ty mẹ;
- Thu nhập khác giảm 132 tỷ VND do miễn giảm gốc và lãi; và
- Hoàn nhập chi phí dự phòng các khoản phải thu: 305 tỷ VND.

II.2 Báo cáo tài chính hợp nhất

Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu đã kiểm toán năm 2016	Số liệu đã kiểm toán năm 2015 (đã điều chỉnh lại)	Chênh lệch tăng/(giảm)	% tăng/(giảm)
60	Lỗ sau thuế TNDN	(1.295.557.506.233)	(98.145.834.080)	(1.197.411.672.153)	1220%

Giải trình kết quả kinh doanh lỗ 1.295 tỷ VND trên BCTC hợp nhất, nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp cao chủ yếu là do (i) xử lý khoản chênh lệch thiếu sau khi kiểm kê hàng tồn kho với số tiền là 1.052 tỷ VND và (ii) trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 23 tỷ VND;
- Lãi gộp từ hoạt động kinh doanh là 85 tỷ VND;
- Chi phí tài chính cao do chi phí lãi vay: 273 tỷ VND;
- Chi phí phạt: 16,5 tỷ VND và
- Thu nhập từ nợ gốc và lãi vay được xóa: 25,6 tỷ VND.

Giải trình nguyên nhân chính về trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước, các nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp tăng chủ yếu là do xử lý khoản chênh lệch thiếu sau khi kiểm kê hàng tồn kho với số tiền là 1.052 tỷ VND;
- Lãi gộp từ hoạt động kinh doanh giảm 167 tỷ VND;
- Chi phí lãi vay tăng 58 tỷ VND;
- Thu nhập khác giảm 188 tỷ VND; và
- Hoàn nhập chi phí dự phòng phải thu: 266 tỷ VND.

2. Ngoài ra, Công ty xin giải thích rõ hơn về ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên, cụ thể là 2 vấn đề được nêu trong Công văn của quý Cơ quan, như sau:

2.1. Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện kiểm kê toàn bộ hàng tồn kho và phát hiện ra các chênh lệch thiếu như đã trình bày trong BCTC kiểm toán 2016. Do các hạn chế về tài liệu và thay đổi nhân sự thì Công ty không xác định được thời điểm phát sinh các khoản chênh lệch thiếu này nên đã điều chỉnh vào năm báo cáo hiện hành. Chúng tôi tin tưởng rằng cách hạch toán này là phù hợp với hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("CMKTVN") số 29 "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót". Tuy nhiên, từ khía cạnh công ty kiểm toán thì kiểm toán viên không xác định được thời điểm phát sinh của khoản chênh lệch thiếu này do các hạn chế từ phía Công ty như đã nêu, cũng như đơn vị kiểm toán được chúng tôi bổ nhiệm làm kiểm toán BCTC 2016 sau ngày 31 tháng 12 năm 2015. Vì vậy, kiểm toán viên không xác định được liệu việc điều chỉnh khoản chênh lệch đã nêu vào năm báo cáo hiện hành là có hợp lý hay không. Do đó, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm

ngoại trừ đối với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Theo đó, chúng tôi xin được giải trình rõ trong việc hiểu ý kiến kiểm toán ngoại trừ của kiểm toán viên trong trường hợp này rằng, ngoại trừ việc xác định mốc thời gian để điều chỉnh khoản chênh lệch thiếu như nêu trên vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các vấn đề hoặc các khoản mục còn lại của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, kết quả hoạt động kinh doanh theo các CMKTVN, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.2. Đồng thời với các giải thích ở phần 2.1 như trên, chúng tôi xin giải thích thêm rằng, kiểm toán viên cũng đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Điều này có thể được hiểu rằng tình hình tài chính hoặc giá trị tài sản thuần của Công ty, bao gồm cả khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/Lỗ lũy kế" tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, đã được phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, theo các CMKTVN, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Do vậy, chúng tôi khẳng định rằng, các rủi ro có thể xảy ra làm ảnh hưởng đến báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016, tình hình lưu chuyển tiền tệ năm 2016, và bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được giải thích và xử lý thỏa đáng, như đã trình bày phù hợp trong BCTC kiểm toán 2016. Do vậy, dựa trên các thông tin hiện có, khả năng ảnh hưởng đến việc điều chỉnh số liệu của các kỳ kế toán tiếp theo do các nội dung đã bị ngoại trừ trong năm 2016 là rất thấp.

Trên đây là nội dung giải trình theo Công văn số 402/SGDHCM-NY mà chúng tôi nhận được vào ngày 3/4/2017 từ quý Cơ quan.



Trần Trọng
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

Vũ Tuyết Hằng
Tổng Giám đốc

Ý kiến của đơn vị kiểm toán

Chúng tôi đồng ý với các giải trình như trên của quý Công ty.



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc

